

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 139/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21-5-2024

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Ngô Thị Lắm.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Ngô Văn Được;

2. Bà Nguyễn Thị Ly.

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Khiêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 120/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 194/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1995; địa chỉ: số nhà 183, ấp Hưng T, xã C, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp An Phú, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày, bà L và ông N do mai mối, tìm hiểu nhau và tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh được 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 11/12/2019. Hiện tại, cháu Y đang được bà L chăm sóc, nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2022 thì phát sinh mâu thuẫn do ông N có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra cự cãi nhau, ông N không quan tâm vợ, con. Bà L và ông N không còn sống chung với nhau từ tháng 10/2022 đến nay, không tới lui thăm nhau.

Nhận thấy tình cảm không còn nên bà L yêu cầu ly hôn với ông N; yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 01 con chung Nguyễn Ngọc Như Y, yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung theo quy định của pháp luật; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện bao gồm: Tờ tự khai của bà Nguyễn Thị L; Căn cước công dân tên Nguyễn Thị L (bản sao); Giấy khai sinh số 454, ngày 18/12/2019 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện C cấp đối với Nguyễn Ngọc Như Y (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn số 47, ngày 18/4/2014 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C cấp đối với bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Thành N (bản chính).

- Bị đơn ông Nguyễn Thành N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có đơn xin vắng mặt và không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không

lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L đối với ông Nguyễn Thành N; bà L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 11/12/2019, ông N không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thành N, ông N cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Thành N đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bà L có đơn xin vắng mặt, ông N vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị L khai, bà L và ông N do quen biết, tìm hiểu nhau và kết hôn với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là thị trấn H) ngày 18/4/2019 nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông N là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà L xác định, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12/2023 thì phát sinh mâu thuẫn do ông N có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra cự cãi nhau, ông N không quan tâm vợ, con. Bà L và ông N không còn sống chung với nhau từ tháng 10/2022 đến nay, không tới lui thăm nhau.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, ông N không quan tâm đến vợ con, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên xảy ra cãi vã nhau và không còn sống chung tháng 10/2022 đến nay, không tới lui thăm nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông N nhưng ông N không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà L. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà L và ông N là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn,

mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà L xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 11/12/2019. Bà L yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, cháu Y đang được bà L chăm sóc, nuôi dưỡng phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho các con chung, giúp con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu Y cho bà L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Thành N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 47, ngày 18/4/2014 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C cấp đối với bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Thành N không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 11/12/2019. Ông Nguyễn Thành N không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Nguyễn Thị L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Thành N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015105 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 28 tháng 02 năm 2024; bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Thành N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Thành N có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện C (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện C (1);
- UBND thị trấn H, huyện C (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Lắm